

Số: /BC-UBND

Krông Nô, ngày tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Thực hiện Thông báo số 61/TB-HĐND ngày 16/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về kết quả Hội nghị liên tịch chuẩn bị Kỳ họp thứ 10 HĐND huyện Khoá VIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Công văn số 126/HĐND-VP ngày 28/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về việc chuẩn bị các nội dung trình Kỳ họp thứ 10, HĐND huyện Khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

UBND huyện Krông Nô báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2025 với các nội dung sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng quy định của Pháp luật về THTK, CLP

Tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW; Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2025; Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND huyện Krông Nô về việc ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2025.

UBND huyện đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác phổ biến pháp luật¹. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của huyện và lồng ghép tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị giao ban và trong các cuộc họp chỉ bộ, họp cơ quan và trong các Hội thi, Hội diễn các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục, thể thao, các hình thức cổ động trực quan....

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND huyện đã phối hợp với Sở Tư pháp, Ban Dân vận Huyện ủy tổ chức 21 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại địa bàn các xã, thị trấn, thu hút với khoảng 1.280 lượt người tham dự, trong đó có lồng ghép nội dung về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình THPTK, CLP

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, UBND huyện Krông Nô đã ban hành Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 để tổ chức, triển khai thực hiện. Căn cứ Chương trình của UBND huyện, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí tiết kiệm, đánh giá kết quả THPTK, CLP trong chỉ thường xuyên. Bên cạnh đó, UBND huyện chỉ đạo các đơn vị của huyện thực hiện nghiêm các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Đấu thầu...các văn bản hướng dẫn và các quy định phân cấp trong quản lý nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính năm 2025 được giao theo quy định của Nhà nước; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư và kinh doanh; triển khai cuộc vận động THPTK, CLP trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng, các thôn, xóm, cụm dân cư; tập trung xây dựng nếp sống mới, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu gây lãng phí; phê phán các biểu hiện xa hoa lãng phí trong xã hội; đưa kết quả THPTK, CLP thành nội dung xem xét đánh giá các cơ quan, tổ chức, cá nhân thành viên của mỗi tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nguồn vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công

¹ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 20/02/2025 về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2025; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 10/02/2025 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Krông Nô năm 2025.

trình, dự án đầu tư công trọng điểm, quan trọng của địa phương... xác định đây là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung ưu tiên trong chỉ đạo điều hành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và địa phương; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND huyện khi để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân đã giao cho đơn vị mình thực hiện; lấy giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 làm tiêu chí quan trọng để xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình cuối năm.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đã gắn kết hơn với các biện pháp THTK, CLP; các quy định của Luật NSNN từ khâu lập dự toán đến chấp hành và quyết toán NSNN đã được thực hiện khá nghiêm túc. Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

Quyết liệt đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 18/02/2025 về việc triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn huyện Krông Nô nhằm tạo sự chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, hoàn thành và phấn đấu vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các trường hợp vi phạm, lãng phí

Thực hiện Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2025 của tỉnh Đắk Nông. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2025, Thanh tra huyện đã triển khai 01 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách và công tác đầu tư xây dựng gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại UBND thị trấn Đắk Mâm.²

Qua công tác thanh tra đã phát hiện, đề nghị Chủ đầu tư thu hồi nộp vào Ngân sách nhà nước với số tiền 20.574.000 đồng do sai quy định từ hoạt động chi thường xuyên và thanh toán sai khối lượng công trình.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

² Tại Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 04/3/2025 của Thanh tra huyện. Đến nay đã kết thúc thanh tra và ban hành Kết luận số 01/KL-TTr ngày 21/5/2025 về việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2025; Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Krông Nô về việc giao dự toán NSNN năm 2025; UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị đã triển khai, thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình cho phù hợp với nguồn kinh phí được giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành gửi Kho bạc Nhà nước Krông Nô để theo dõi, kiểm soát việc chi tiêu của các cơ quan, đơn vị. Hầu hết các đơn vị điều hành kinh phí được giao chủ động, cân nhắc được các khoản chi thường xuyên như: chi hội nghị, vật tư văn phòng, chi xăng xe công tác, chế độ công tác phí, định mức trang bị và sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị... đảm bảo theo đúng các văn bản quy định của Trung ương và địa phương ban hành, triển khai có hiệu quả và tiết kiệm, góp phần ổn định quốc phòng –an ninh, phát triển kinh tế địa phương, dành nguồn kinh phí để giải quyết các chính sách, chế độ và vấn đề an sinh xã hội trên địa bàn.

b. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

UBND huyện Krông Nô thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo dự toán, định mức được giao theo đúng Luật Ngân sách nhà nước. Thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2025 đúng theo quy định.

Thực hiện rà soát các kế hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu đề xuất và quyết định chủ trương đầu tư, tránh việc các dự án đầu tư không đạt hiệu quả; thực hiện công khai thông tin các nhà thầu có dự án thi công chậm tiến độ và chậm công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật. Vốn đầu tư phát triển được phân bổ đúng nguồn, đúng tính chất, đúng chương trình để thực hiện đúng mục tiêu, đã có đầy đủ thủ tục đầu tư theo đúng quy định, phân bổ theo thứ tự ưu tiên theo Luật Đầu tư công, thanh toán ưu tiên các công trình đã quyết toán, vốn cho các công trình chuyên tiếp hoàn thành trong năm, còn lại phân bổ cho các công trình thực hiện mới.

Căn cứ khả năng thu ngân sách đối với từng cơ quan, đơn vị; UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị chủ động sắp xếp, điều hành các nhiệm vụ chi và áp dụng giải pháp phù hợp để đảm bảo cân đối ngân sách. Cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để cân đối cho các nhiệm vụ phát sinh cấp thiết. Chủ động sắp xếp, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để xử lý các nhiệm vụ chi phát sinh đột xuất trong năm; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán; quản lý, sử dụng nguồn dự phòng theo đúng quy định. Thực hiện rà soát, thu hồi kinh phí các nhiệm vụ chi không sử dụng hết để bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm dự toán.

Việc kiểm soát chi được thực hiện theo đúng định mức, chế độ quy định của Nhà nước, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí trong kiểm soát chi:

+ Về công tác kiểm soát chi thường xuyên: việc kiểm soát chi đảm bảo các khoản chi ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, đúng định mức, tiêu chuẩn chế độ. Thực hiện có hiệu quả, xử lý các giao dịch trên dịch vụ công với các cơ quan, đơn vị thuận lợi, nhanh chóng.

+ Về công tác kiểm soát kinh phí chi đầu tư, chương trình mục tiêu, sự nghiệp có tính chất XDCB: kiểm soát các hồ sơ chứng từ chi theo đúng định mức, đơn giá quy định của Nhà nước. Phối hợp tốt với các đơn vị, các chủ đầu tư trong việc triển khai kế hoạch vốn trong năm được giao, tránh tình trạng tồn đọng hồ sơ tại Kho bạc.

+ 100% đơn vị thực hiện chi trả tiền lương và các khoản thanh toán cá nhân đều thực hiện qua tài khoản đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách.

- Quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia:

Triển khai quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các dự án thuộc Chương trình MTQG. Các cơ quan được giao chủ trì các Chương trình MTQG tăng cường công tác kiểm tra, chủ động hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện. Tập trung nguồn lực thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn để hoàn thành 03 Chương trình MTQG được giao trong năm 2025 theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng và thực hiện kinh phí các Chương trình MTQG được phê duyệt theo đúng mục tiêu, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nội dung hỗ trợ đầu tư và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương của chương trình, đảm bảo tiến độ, tiết kiệm và hiệu quả phân bổ. Hiện nay các xã trên địa bàn huyện đã xây dựng dự toán và trình HĐND cùng cấp thông qua và xây dựng kế hoạch, lập thủ tục triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo: UBND huyện thực hiện phân bổ và giao dự toán hằng năm bằng mức dự toán được HĐND, UBND tỉnh giao, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện chi lương; các khoản phụ cấp theo lương, phần kinh phí còn lại phân bổ thực hiện các nhiệm vụ khác trong năm.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; đào tạo, bồi dưỡng; sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm; tiếp khách, tổ chức lễ hội: Nghiêm túc thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi thường xuyên: Giảm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, xăng dầu; hạn chế tối đa việc tổ chức các lễ hội, lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, tiếp khách, đi công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức...Chỉ đạo các đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính, cơ quan thanh tra tăng cường công tác kiểm tra quyết toán, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả.

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chủ động thực hiện rà soát, cắt giảm các cuộc hội nghị, tập huấn, tiếp khách, bảo đảm thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn theo Nghị quyết 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, không phô trương, hình thức, lãng phí, không kết hợp tham quan, du lịch trong việc tổ chức hội nghị, tập huấn, tiếp tục xây dựng, cụ thể hóa quy chế làm việc, quy định trách nhiệm từng cá nhân... Đồng thời cắt giảm tối đa chi phí tổ chức, đơn giản hóa các buổi tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết, tiếp khách và hạn chế tối đa các khoản chi chưa cần thiết.

Về công tác thẩm định hồ sơ xây dựng: Trong 06 tháng đầu năm 2025, tổng số hồ sơ tiếp nhận và thẩm định 52 hồ sơ công trình xây dựng cơ bản với tổng mức đầu tư 68,291 tỷ đồng; tổng giá trị thẩm định, phê duyệt dự toán là 67,381 tỷ đồng; giá trị tiết kiệm được cho Ngân sách nhà nước hơn 909 triệu đồng.

Về công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Đến hết ngày 12/5/2025 đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán được 20 hồ sơ quyết toán công trình với tổng giá trị quyết toán là 52.113 triệu đồng, giảm so với giá trị đề nghị của Chủ đầu tư là 104,679 triệu đồng, tỷ lệ giảm 0,2% giá trị đề nghị quyết toán. Hiện còn 20 hồ sơ chưa được phê duyệt quyết toán, trong đó: Tổng số hồ sơ các chủ đầu tư đã gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 07 công trình đang trong thời gian thẩm định; số công trình đến hạn và quá hạn quyết toán nhưng các chủ đầu tư chưa nộp hồ sơ quyết toán là 13 công trình (thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý và phân bổ). Còn đối với các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách xã (bao gồm cả chương trình mục tiêu quốc gia) do UBND các xã, thị trấn tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

c. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Việc trang bị mua sắm TSCĐ tại các đơn vị đều được thực hiện đúng quy định và bảo đảm đúng tiêu chuẩn định mức theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị. Thực hiện mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung; Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Tổ chức rà soát số lượng xe ô tô được sử dụng đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe dôi dư theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Nông. Quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; khai thác có hiệu quả trang thiết bị, phương tiện làm việc, không sử dụng xe ô tô, tài sản công vào việc riêng. Công tác thanh

lý, điều chuyển tài sản công được đảm bảo, thực hiện theo đúng quy định. Công tác báo cáo đăng ký kê khai và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định. Việc sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được đưa vào quy chế quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, từ đó đảm bảo được quản lý, sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đúng đối tượng, an toàn và hiệu quả.

Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung, mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc mua sắm các trang thiết bị làm việc được thực hiện đúng theo quy định đối với các danh mục tài sản mua sắm tập trung theo quyết định của tỉnh. Đối với các tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành, không vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d. THPT, CLP trong đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

Năm 2024, tiếp tục ưu tiên bố trí vốn để xử lý nợ đọng XDCHB trong kế hoạch phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách địa phương theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ xây dựng cơ bản tại các địa phương. Thực hiện hiệu quả các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/02/2015 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/7/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công. Thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH-14 và các Nghị định hướng dẫn thi hành luật. Tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công trung dài hạn giai đoạn 2021-2025 đúng quy định Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021; Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu công trình, dự án theo quy định, phân đấu giải ngân kế hoạch vốn được giao đảm bảo thời gian quy định. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác thẩm tra, thẩm định quyết toán dự án hoàn thành. Trong công tác thẩm tra dự toán đầu tư xây dựng cơ bản, kiên quyết cắt giảm khối lượng xây dựng không cần thiết, áp dụng theo đúng đơn giá, định mức xây dựng.

Công tác công khai vốn đầu tư: Trong phạm vi nguồn vốn đã giao từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư nghiêm túc

thực hiện việc công khai tài chính trong các khâu: Phân bổ, đấu thầu, thanh quyết toán vốn đầu tư đảm bảo tập trung, không dàn trải, kịp thời, chính xác, đúng theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Việc quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ cơ bản đã thực hiện đúng mục đích và định mức, tiêu chuẩn. Thường xuyên rà soát tình hình sử dụng trụ sở làm việc và sắp xếp, bố trí lại phù hợp với nhu cầu sử dụng trụ sở của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn.

đ. THTK, CLP trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, thiên nhiên

- Công tác quản lý, sử dụng đất

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Phòng Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND huyện các văn bản về tăng cường công tác quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện Krông Nô; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý khai thác, sử dụng đất san lấp trái phép; tổ chức đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất lần đầu; cấp đổi GCNQSD đất theo dự án đo đạc cơ sở dữ liệu đất đai và tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn các xã, thị trấn Đăk Mâm...

Đồng thời để đảm bảo công tác quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch được duyệt, đã tham mưu UBND huyện ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện để các xã, thị trấn có cơ sở quản lý, thực hiện việc giao, cho thuê đất theo đúng quy định.

Theo đó trong 06 tháng đầu năm 2025, không phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trên lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền cấp huyện.

- Công tác Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

UBND huyện đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo Phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn nghiên cứu, triển khai thực hiện, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân triển khai thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước và từng bước đáp ứng được nhu cầu về nguồn nước cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đảm bảo các quy định của pháp luật.

Phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra việc cấp phép khai thác nước mặt của các đơn vị trên địa bàn huyện; phối hợp tổ chức tập huấn cho nông dân về "Quản lý tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu để tăng cường nguồn cung nước" thuộc Dự án SACCR; tiếp tục triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Trong 06 tháng đầu năm 2025, không phát hiện trường hợp vi phạm nào trên lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp huyện.

- Công tác Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Thường xuyên chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép; quản lý và bảo vệ hiệu quả khoáng sản chưa khai thác.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản, vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp trên địa bàn huyện Krông Nô; yêu cầu chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản...

Trong 6 tháng đầu năm 2025, chưa phát hiện trường hợp vi phạm nào về khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản.

- Công tác Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng

Trong 06 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn huyện xảy ra 04 vụ phá rừng, diện tích rừng bị phá là 0,877 ha, không xảy ra cháy rừng.

e. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện nghiêm túc theo trình tự, thủ tục đã được UBND tỉnh quy định, đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu và nội dung đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời gắn với quy hoạch sử dụng cán bộ, gắn liền với mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Không xảy ra tình trạng đào tạo tràn lan hay cử cán bộ, công chức đi đào tạo không đúng thẩm quyền, không đủ tiêu chuẩn, không phù hợp yêu cầu nhiệm vụ cơ quan.

Trong 6 tháng đầu năm 2025 tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng là: 263 lượt người (lớp tập huấn Nông thôn mới, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và tuyên truyền viên cơ sở năm 2025).

- Công tác tuyển dụng, sử dụng lao động

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND huyện đã hoàn thành công tác tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2024 (Đợt II).

Đến nay số lượng biên chế đảm bảo theo yêu cầu, ngày càng nâng cao về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ:

- Biên chế hành chính cấp huyện hiện có 77/83 biên chế được giao;
- Biên chế cấp xã hiện có 261/270 biên chế được giao;
- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo có 1219/1227 biên chế được giao;
- Biên chế khối sự nghiệp khác có 53/55 biên chế được giao;
- Biên chế 02 Hội đặc thù 04/04 biên chế được giao.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ, công chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức. Trong 6 tháng đầu năm không có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm liên quan đến đạo đức công vụ.

Kiện toàn, sắp xếp tổ chức và nhân sự các phòng, ban, đơn vị cho phù hợp với yêu cầu chức năng, nhiệm vụ mới, đảm bảo công việc hợp lý giữa các cán bộ, công chức, tránh tình trạng người rỗi việc, người không có đủ thời gian xử lý công việc, gắn kết với việc thực hiện các nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của từng phòng, từng bộ phận chuyên môn: Đã tham mưu huyện Đề án thành lập, hợp nhất các phòng ban (13 phòng ban giảm còn 11 phòng ban).

Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; từng Phòng chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của đơn vị mình để triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đạt hiệu quả cao. Không ngừng rà soát để sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của các phòng ban chuyên môn, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức học tập nâng cao trình độ. Đồng thời, căn cứ vào kết quả thực hiện đó để đánh giá cán bộ, công chức định kỳ và thường xuyên.

Nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong lề lối làm việc của CB, CC, VC trên địa bàn huyện UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị tăng cường công tác quản lý CBCC, VC nhằm chấn chỉnh lề lối, giờ giấc làm việc tránh tình trạng sử dụng lãng phí thời gian làm việc qua đó nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương trong công việc của CBCC, VC. Bước đầu có chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của CB, CC, VC trong việc tiếp xúc, giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho các tổ chức, công dân, hạn chế đến mức thấp nhất hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu của CB, CC, VC.

g. THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Cùng với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ý thức tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng của nhân dân đã dần được nâng lên, do làm tốt công tác tuyên truyền THPTK, CLP, cũng như thực hiện tốt cuộc vận động Nhân dân thực hiện xây dựng nếp sống văn hoá mới ở khu dân cư nên đã phát huy và đem lại hiệu quả thiết thực, thể hiện trong tổ chức các hoạt động lễ hội, tổ chức đám cưới, đám tang và các hoạt động văn hoá khác, đảm bảo tiết kiệm, lành mạnh, văn minh, dần xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí.

UBND huyện luôn quan tâm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về THPTK, CLP như: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc “Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội” cùng với việc đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban

hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Các hình thức tuyên truyền, vận động như: Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện cùng Đài Truyền thanh các xã, Thị trấn dành thời lượng thích hợp để tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân trên địa bàn về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP; lồng ghép vào các Hội thi, Hội diễn, các hoạt động văn hóa nghệ, thể dục, thể thao, các hình thức cổ động trực quan, các tin bài trên Trang thông tin điện tử ...

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước ở các địa phương; xây dựng gương người tốt việc tốt, phát hiện và biểu dương kịp thời các điển hình tiên tiến trong phong trào; Triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2025 và đưa phong trào đi vào chiều sâu, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trong đó chú ý phát động mạnh mẽ trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang theo hướng lành mạnh, không lợi dụng việc cưới, việc tang để vụ lợi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực để đầu tư vào sản xuất - kinh doanh.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, không có tình trạng vi phạm quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội:

- Về tổ chức lễ hội: Không có tình trạng tổ chức lễ hội linh đình, hoành tráng, phô trương hình thức, khuếch đại âm thanh... gây tốn kém, mất trật tự công cộng, gây ách tắc giao thông. Một số lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện được khôi phục, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng của địa phương, bảo đảm tính trang nghiêm, tạo không khí vui tươi, đoàn kết trong nhân dân, được đông đảo nhân dân tham gia đồng tình hưởng ứng (*Lễ hội Mừng lúa mới đồng bào M'Nông, Lễ hội Cúng bến nước; Lễ hội Lồng tồng của đồng bào Tày, Thái; Hội Ném còn...*).

- Về tổ chức việc cưới: Thực hiện các thủ tục kết hôn theo đúng quy định pháp luật; tiến hành các nghi thức hôn lễ với tinh thần "*vui tươi - lành mạnh - tiết kiệm*", không xa hoa lãng phí, phù hợp với điều kiện của gia đình; Không tổ chức cưới ở những nơi chi phí quá tốn kém, không phù hợp với đời sống, thu nhập chung của cộng đồng dân cư và cán bộ công chức; Không tổ chức tiệc cưới nhiều lần; ...

- Về tổ chức việc tang: Tổ chức việc tang tiết kiệm, không bày cỗ mời khách ăn trong việc tang; từng bước và tiến tới loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín không phù hợp với nếp sống văn minh; đều thực hiện nếp sống mới trong việc tang; tổ chức chu đáo, trang nghiêm, tiết kiệm phù hợp với điều kiện của gia đình. Khi có người mất, gia đình hoặc thân nhân đã kịp thời báo tử với UBND xã, thị trấn nơi cư trú theo đúng quy định; không để quá lâu ngày thời gian quản thi hài trong nhà..., đã bỏ các hủ tục mê tín lạc hậu và những nghi thức rườm rà

tồn kém như: Hạn chế dùng vòng hoa, câu đối, trướng đất tiền, loại bỏ thủ tục rải vàng mã, gạo muối trên đường đưa tang...

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc hành vi lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

(Chi tiết có Phụ biểu đính kèm)

3. Phân tích, đánh giá

a. Đánh giá kết quả đạt được

UBND huyện đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính Phủ và Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; hàng năm đưa việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tập thể các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện các chỉ tiêu THPT, CLP gắn với các hoạt động quản lý nhà nước nên việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị đã gắn kết hơn với các biện pháp THPT, CLP từ khâu lập dự toán đến chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý tài chính để chủ động sử dụng kinh phí, biên chế, qua đó kinh phí được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả hơn. Các biện pháp tiết kiệm từ khâu thẩm định dự toán, tổ chức đấu thầu, quyết toán công trình được thực hiện đã góp phần nâng cao kỷ luật tài chính trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước. Công tác kiểm soát thanh, quyết toán vốn đầu tư được tăng cường và cải tiến phương thức, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý cho chủ đầu tư.

b. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

Việc xây dựng chương trình THPT, CLP ở một số cơ quan, đơn vị còn chung chung chưa xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý để đánh giá được kết quả thực hiện và đề ra biện pháp cụ thể trong THPT, CLP.

Công tác tự kiểm tra nội bộ việc THPT, CLP của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế, hầu hết các vụ việc phát hiện do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

Một số công trình đầu tư xây dựng chậm tiến độ giải ngân và chậm quyết toán gây lãng phí. Do Chủ đầu tư thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị tư

vấn, thi công hoàn thành hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành.

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Quy hoạch, bố trí dự án đầu tư và quản lý, thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo chất lượng. Tập trung giải ngân vốn đầu tư, tránh tồn đọng vốn gây lãng phí nguồn lực đầu tư phát triển.

- Các Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thanh toán để đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch được giao. Hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng để thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Việc bàn giao, quản lý, xử lý tài sản công là tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính thực hiện theo đúng quy định, không làm thất thoát, lãng phí tài sản công.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2025 của UBND huyện Krông Nô./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Hà

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (triệu đồng)	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						So sánh tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	42	42	42	100%	100%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	12	12	12	100%	100%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện (triệu đồng)	triệu đồng	26,572	12	12	43%	100%	
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	26		26	100%		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ	chiếc	0		0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý)	chiếc	0		0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	1.105,984			0%		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	triệu đồng	431,61			0%		
	- Thương thảo Hợp đồng	triệu đồng	257,54			0%		
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	127,615		52,11	41%		
	- Các nội dung khác	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	93.732		93.732	100%		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	168,0					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	2.299		2.299	100%		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	1.942	0		0%		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	43.034	0		0%		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	35,0	0		0%		
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0		4			Phá rừng
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	1105,984		909,904		82%	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số cuối kỳ</i>	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	triệu đồng						
	<i>Số cuối kỳ</i>	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ	17.947	17.986	17.986	100%	100%	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0	0%	0%	
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	4	3	1	25%	33%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	2	3	1	50%	33%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	9	4	1	11%	25%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	7	0	1	14%		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (Năm 2024)	Kế hoạch của năm báo cáo (Năm 2024)	Kết quả năm báo cáo (06 tháng năm 2025)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	118,840		20,574	17%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						